

THÔNG BÁO

V/v thu các khoản thu năm học 2023-2024

Thực hiện theo công văn số 1650/GDĐT-TCKH ngày 27 tháng 09 năm 2023 của Liên phòng Giáo dục – Đào tạo và Phòng Tài chính – kế hoạch Quận Tân Bình về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 cho các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Quận Tân Bình (Văn bản đính kèm),

Thực hiện theo Phiếu chuyển số 5643/Q ngày 02/10/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Căn cứ công văn số 1700/GDĐT-TC ngày 04 tháng 10 năm 2023 của phòng Giáo dục – Đào tạo quận Tân Bình V/v triển khai hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn giảm, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024.

Trường MN2 thông báo thu các khoản thu năm học 2023-2024 như sau:

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	NHÓM LỚP			GHI CHÚ
	18-24 tháng	25-36 tháng	Mẫu giáo	
I. THU HỌC PHÍ (theo quy định)	Chờ hướng dẫn của UBNDTP			
II. CÁC KHOẢN THU PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ HỌC CHÍNH KHOÁ				
1. Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa				
• 1.1. Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu: Vẽ, Võ, Nhịp điệu		80.000	80.000	1tháng /môn
• 1.2.Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống			69.000	1 tháng
• 1.3. Tiền tổ chức học môn Ngoại ngữ có sử dụng phần mềm hỗ trợ			200.000	1 tháng
2.Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè (Không bao gồm các khoản ăn sáng, ăn trưa-xế, nước uống, tiền điện, ngoại khoá...)	300.000	300.000	300.000	1 tuần
III.CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG BÁN TRÚ				
1. Tiền tổ chức phục vụ bán trú, quản lý vệ sinh bán trú	258.000	258.000	258.000	1 tháng
2. Tiền phục vụ ăn sáng	140.000	140.000	140.000	1 tháng

3. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	230.000	230.000	230.000	1 năm
4. Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng	80.000	80.000	80.000	1 tháng
IV. CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ CHO CÁ NHÂN HỌC SINH				
1. Tiền mua sắm đồng phục học sinh (Áp dụng năm học 2024-2025)	140.000	140.000	140.000	1 năm - Lớp lá không thực hiện
2. Tiền học phẩm – học cụ - học liệu				
• 2.1. Học phẩm	50.000	50.000	50.000	1 năm
• 2.2. Học cụ - Học liệu	230.000	292.000	- Mầm: 298.000 - Chồi: 318.000 - Lá: 342.000	1 năm
3. Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000	35.000	35.000	1 ngày
4. Tiền suất ăn sáng	20.000	20.000	20.000	1 ngày
5. Tiền nước uống	15.000	15.000	15.000	1 tháng
6. Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha khoa học đường).	20.000	20.000	20.000	1 năm
7. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20.000	20.000	20.000	1 tháng



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Mai Trang